TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 06/2023
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 14/06/2023

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	26205133164	Lê Thị Kim	Anh	30/01/2002	Quảng Bình	29TBN3	9.7	6.0	Đạt	
2	26203332512	Lê Thị Vân	Anh	05/01/2002	Quảng Nam	29TSC3	7.7	6.0	Đạt	
3	25215104704	Nguyễn Tuấn	Anh	04/07/2001	Thanh Hoá	28TSC8	8.7	V	Không Đạt	
4	26217134923	Lê Quốc	Bảo	26/01/2002	Quảng Nam	29THT4	7.0	8.0	Đạt	
5	27212421587	Phạm Vũ Hòa	Bình	14/05/2003	Bình Định	29THT4	9.3	9.0	Đạt	
6	26202235934	Trịnh Lê Bảo	Châu	18/11/2002	Quảng Trị	29THT4	9.3	6.5	Đạt	
7	26218620927	Lê Tiến	Đạt	08/02/2002	Kon Tum	29THT4	8.3	6.0	Đạt	
8	26203336888	Nguyễn Huỳnh Phương	Dung	07/02/2002	Quảng Ngãi	29TSC3	6.7	5.0	Đạt	
9	26218734861	Phạm Sơn	Dương	12/10/2001	Gia Lai	29THT4	8.3	8.0	Đạt	
10	25203315983	Trà Thị	Dương	05/04/2001	Quảng Nam	28THT3	6.3	6.5	Đạt	
11	26212134501	Trần Phú	Duy	25/01/2001	Quảng Nam	29TSC2	5.0	6.5	Đạt	
12	26205133712	Phan Thị Thùy	Duyên	18/02/1998	Đà Nẵng	29TBN3	9.0	4.0	Không Đạt	
13	26207130656	Nguyễn Hà Hoài	Giang	23/12/2002	Quảng Nam	29TBN3	7.0	1.8	Không Đạt	
14	26202137513	Nguyễn Khánh	Hà	16/09/2002	Gia Lai	29THT4	9.0	5.8	Đạt	
15	26204742511	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/08/2002	Quảng Ngãi	29THT4	8.7	8.0	Đạt	
16	26202242095	Trương Thị Thu	Hằng	31/05/2002	Phú Yên	29TSC3	9.7	5.0	Đạt	
17	26202137535	Quách An	Hảo	03/04/2002	Đà Nẵng	29TSC3	5.7	3.5	Không Đạt	
18	25217110499	Nguyễn Công	Hậu	20/08/2001	Đà Nẵng	29THT4	6.7	5.0	Đạt	
19	25205117048	Hoàng Vũ Minh	Hoa	08/10/2001	Quảng Bình	29TBN3	9.3	7.5	Đạt	
20	26202142630	Mai Thị Kim	Hoài	28/04/2002	Quảng Nam	29TBN3	7.0	8.3	Đạt	
21	26212142027	Trần Tấn	Học	21/03/2002	Quảng Nam	29THT4	9.0	10.0	Đạt	
22	26205134524	Huỳnh Thị Ngọc	Huệ	15/07/2002	Thừa Thiên H	29TBN3	10.0	7.0	Đạt	
23	28209405737	Phạm Thị Kim	Huệ	04/09/2004	Đắk Lắk	29TBN3	9.0	6.0	Đạt	
24	26213123575	Nguyễn Phước	Hưng	06/04/2002	Quảng Ngãi	29TSC3	6.7	6.5	Đạt	
25	26202228289	Đặng Thị Hồng	Hương	24/02/2002	Quảng Ngãi	29THT4	7.3	3.5	Không Đạt	
26	26205134460	Võ Thị Ái	Hương	27/12/2002	Quảng Trị	29TBN3	9.7	7.5	Đạt	
27	26212542458	Nguyễn Gia	Huy	11/12/2002	Phú Yên	29TBN3	9.0	6.5	Đạt	
28	26203300154	Bùi Khánh	Huyền	24/11/2002	Đà Nẵng	29TSC2	8.0	5.8	Đạt	
29	26207200450	Hà Thị Thanh	Huyền	10/03/2002	Quảng Nam	29TBN3	8.3	6.5	Đạt	
30	27203902699	Lê Thị Thu	Huyền	26/11/2003	Thừa Thiên H	29TBN3	8.3	7.0	Đạt	
31	26202142141	Nguyễn Thị Kim	Khánh	08/09/2002	Đắk Lắk	29THT4	9.3	8.0	Đạt	
32	048207007295	Hồ Văn	Khiêm	15/07/2007	Đà Nẵng	29TBN3	9.3	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	26212136266	Phan Văn	Kiệt	17/07/2002	Đà Nẵng	29TBN3	5.3	7.5	Đạt	
34	26203322844	Ung Nguyễn Thị	Kiều	08/06/2002	Quảng Ngãi	29THT4	8.3	6.0	Đạt	
35	25207212365	Trương Nữ Trúc	Lâm	25/02/2001	Quảng Trị	29THT4	5.3	5.0	Đạt	
36	26203135924	Phan Lê Hương	Lan	05/07/2002	Đà Nẵng	29TBN3	9.0	9.0	Đạt	
37	26202542305	Phan Thảo	Linh	23/01/2002	Đà Nẵng	29THT4	7.3	9.5	Đạt	
38	26208732586	Phan Thị Thúy	Linh	01/09/2002	PHÚ YÊN	29THT4	10.0	7.5	Đạt	
39	26208742276	Trương Thị Thảo	Linh	31/05/2002	Quảng Trị	29THT4	9.3	8.5	Đạt	
40	26212135121	Dương Quốc Hồng	Lộc	13/10/2002	Quảng Nam	29TBN3	7.3	7.5	Đạt	
41	26212137731	Nguyễn Hữu	Lộc	05/04/2002	Đà Nẵng	29THT4	8.7	7.0	Đạt	
42	26207135522	Đặng Thị	Lợi	23/03/2002	Quảng Nam	29THT4	9.7	10.0	Đạt	
43	048090001632	Nguyễn Đình	Long	03/02/1990	Đà Nẵng	29TBN3	8.0	6.5	Đạt	
44	25213112562	Nguyễn Ngọc	Long	05/11/2001	Quảng Nam	29TBN2	8.7	8.0	Đạt	
45	25208703132	Cao Thị Cẩm	Ly	25/06/2001	Quảng Ngãi	28SHT6	5.3	V	Không Đạt	
46	26203828898	Hồ Thị Khánh	Ly	16/08/2002	Quảng Trị	29TBN3	10.0	7.0	Đạt	
47	26203100399	Trần Thị Ly	Ly	11/05/2002	Thừa Thiên H	29TBN3	9.7	7.0	Đạt	
48	26207135919	Ngô Thị Khánh	Mai	03/04/2002	Quảng Nam	29THT4	10.0	8.5	Đạt	
49	25205104070	Nguyễn Lê Nhật	Mai	25/07/2001	Quảng Nam	27TBN7	5.3	5.5	Đạt	
50	25212101738	Huỳnh Quang	Mến	18/02/2001	Quảng Ngãi	28TBN4	8.0	5.5	Đạt	
51	25217202920	Nguyễn Hồng	Minh	25/07/1998	Đắk Lắk	29THT3	V	V	Không Đạt	
52	26202136131	Nguyễn Hà	My	15/03/2002	Gia Lai	29THT4	8.7	8.0	Đạt	
53	26203336970	Trần Thị Trà	My	03/10/2002	Quảng Bình	29THT4	8.3	8.5	Đạt	
54	26203335644	Dương Thị Ly	Na	01/05/2002	Quảng Trị	29THT4	9.3	6.5	Đạt	
55	26203124221	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	12/09/1997	Đà Nẵng	29TBN3	9.0	8.5	Đạt	
56	25205104090	Lương Hiếu	Ngân	15/09/2001	Bình Định	29TSC3	5.0	3.0	Không Đạt	
57	2121213333	Phan Lê Nhân	Nghĩa	31/07/1997	Đà Nẵng	29TSC3	4.3	7.3	Không Đạt	
58	26207121812	Đặng Thị Hồng	Ngọc	17/10/2002	Quảng Ngãi	29THT4	7.0	8.0	Đạt	
59	26208635344	Lưu Thị Minh	Ngọc	15/01/2002	Đà Nẵng	29THT4	7.7	6.0	Đạt	
60	26203333878	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	19/07/2002	Quảng Nam	29THT4	8.7	2.0	Không Đạt	
61	25211613248	Trương Hoàng	Nhất	30/01/2001	Quảng Nam	29THT4	6.3	6.0	Đạt	
62	26217235024	Lê Văn	Nhật	02/04/2002	Quảng Nam	29TBN3	9.7	6.0	Đạt	
63	26202137824	Hoàng Yến	Nhi	29/10/2002	Đà Nẵng	29TSC3	7.7	5.5	Đạt	
64	26202137842	Lê Thị Thanh	Nhung	01/09/2002	Quảng Nam	29THT4	9.0	7.5	Đạt	
65	26213337003	Đào Quang	Ninh	26/01/2002	Gia Lai	29CYC1	7.7	5.5	Đạt	
66	26203135431	Võ Thị Mỹ	Nữ	18/08/2002	Đắk Lắk	29THT4	4.3	6.5	Không Đạt	
67	26212127679	Nguyễn Thanh	Phát	18/01/2002	Quảng Nam	29TBN3	5.0	2.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	25212108599	Phạm Đình	Phúc	23/08/2001	Quảng Nam	29TBN2	5.7	6.5	Đạt	
69	2220716949	Văn Thị Thanh	Phương	30/07/1998	Thừa Thiên H	29THT4	V	V	Không Đạt	
70	26207200826	Lê Thị Mỹ	Phượng	16/07/2002	Đà Nẵng	29THT4	7.7	5.5	Đạt	
71	26217134147	Trần Mạnh	Quân	25/11/2002	Đà Nẵng	29TBN3	7.3	6.0	Đạt	
72	26213335014	Đồng Phú	Quốc	16/04/2002	Đà Nẵng	29THT4	6.3	6.0	Đạt	
73	25203313815	Lê Thị Lệ	Quyên	01/01/2001	Quảng Ngãi	29TBN3	6.3	1.5	Không Đạt	
74	26207100049	Nguyễn Song	Quỳnh	29/07/2002	Quảng Nam	29TBN3	9.0	5.0	Đạt	
75	26212735125	Đặng Văn	Ry	26/12/2002	Đà Nẵng	29THT4	8.0	3.0	Không Đạt	
76	26218736332	Nguyễn Thành	Tài	14/12/2002	Quảng Nam	29THT4	10.0	8.5	Đạt	
77	26203235668	Hồ Thị Nhật	Tâm	24/02/2002	Quảng Nam	29TBN3	9.3	5.5	Đạt	
78	26202530794	Nguyễn Thị Minh	Tâm	09/04/2002	Đà Nẵng	29TBN3	9.7	7.5	Đạt	
79	26205131600	Tiêu Thị	Tâm	28/05/2001	Quảng Ngãi	29TBN3	9.7	6.5	Đạt	
80	26212341944	Nguyễn Bá	Thạch	16/07/2002	Quảng Nam	29TBN3	7.0	3.0	Không Đạt	
81	26213327088	Võ Hồng	Thái	12/02/2002	Hà Tĩnh	29THT4	7.3	6.8	Đạt	
82	26212142051	Trần Thị Thu	Thảnh	26/03/2002	Đà Nẵng	29TBN3	7.7	5.0	Đạt	
83	26207131794	Đặng Thị Phương	Thảo	12/12/2002	Đà Nẵng	29THT4	9.7	8.0	Đạt	
84	26202521383	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2002	Đắk Lắk	29SBN1	8.7	1.5	Không Đạt	
85	27202142583	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/08/2003	Quảng Nam	29TBN3	8.3	6.0	Đạt	
86	26217230660	Hồ Văn	Thể	24/12/2002	Quảng Nam	29TBN3	9.3	8.0	Đạt	
87	26213329907	Võ Ngọc	Thiện	09/01/2002	Quảng Nam	29THT4	7.7	6.0	Đạt	
88	26203135398	Trần Thị Ánh	Thư	30/05/2002	Quảng Nam	29TBN3	7.7	5.3	Đạt	
89	25202103347	Trịnh Thị Minh	Thư	20/06/2001	Quảng Ngãi	29THT1	7.3	6.0	Đạt	
90	26202627488	Võ Thị Ánh	Thư	02/09/2002	Quảng Nam	29THT4	8.7	6.0	Đạt	
91	25203302892	Nguyễn Thị Thanh	Thương	17/10/2001	Quảng Ngãi	28TYC11	8.0	5.0	Đạt	
92	25203303125	Lê Thị Ngọc	Thúy	22/12/2001	Quảng Trị	29THT3	9.3	5.5	Đạt	
93	26207131369	Phạm Thị	Thùy	18/07/2002	Quảng Nam	29CSC1	8.3	6.0	Đạt	
94	25203304986	Lê Thị	Tình	19/10/2001	Quảng Ngãi	28TYC11	5.0	3.8	Không Đạt	
95	26202135718	Huỳnh Ánh	Trâm	04/05/2001	Đà Nẵng	29THT4	9.3	6.0	Đạt	
96	26202220198	Lương Thị Huyền	Trang	10/01/2002	Quảng Ngãi	29TBN3	9.7	6.5	Đạt	
97	26202122985	Mai Thị Ngọc	Trinh	03/01/2002	Đà Nẵng	29THT4	7.3	7.5	Đạt	
98	25203305936	Nguyễn Thảo	Trinh	30/11/2001	Quảng Nam	29TBN2	5.7	3.8	Không Đạt	
99	26202134112	Phạm Vĩnh An	Trinh	10/07/2002	Quảng Nam	29THT4	9.3	5.5	Đạt	
100	25213115113	Đậu Đức	Trung	04/08/2001	Nghệ An	29THT4	9.0	6.0	Đạt	
101	26212120224	Nguyễn Thanh	Tú	28/01/2002	Quảng Ngãi	29TBN3	9.0	7.0	Đạt	
102	25205104654	Nguyễn Thị Minh	Tư	29/03/2001	Quảng Ngãi	29TBN3	6.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	26202138132	Huỳnh Kim	Tuyến	20/05/2002	Quảng Nam	29TBN3	**9.3**	**7.0**	**Đạt**	
104	26207124542	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	22/05/2002	Quảng Nam	29CSC1	**8.0**	**7.0**	**Đạt**	
105	24207116129	Quảng Thị Ngọc	Uyên	01/12/2000	Quảng Nam	29TBN3	**5.0**	**3.5**	**Không Đạt**	
106	26202123434	Võ Nguyễn Ti	Val	04/05/2002	Quảng Ngãi	29TBN3	**9.7**	**6.0**	**Đạt**	
107	26202122121	Dương Thị Thảo	Vân	16/08/2002	Bình Định	29TBN3	**9.3**	**6.0**	**Đạt**	
108	26202921753	Nguyễn Đào Trúc	Vy	25/02/2002	Bình Định	29THT2	**7.0**	**5.0**	**Đạt**	
109	26203835461	Trần Thị Ánh	Vy	20/02/2002	Quảng Nam	29TBN3	**9.3**	**6.5**	**Đạt**	

TRUNG TÂM TIN HỌC

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh